

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/DS-ST

Ngày 10-01-2025

V/v tranh chấp: “ Quyền sử dụng đất,
tranh chấp quyền sở hữu và các quyền
khác đối với tài sản, yêu cầu chấm dứt
hành vi cản trở quyền sử dụng đất và
bồi thường thiệt hại về tài sản ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Ánh Thu;
- Bà Nguyễn Thị Kim Cương

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Hồng Đình - Thư ký Tòa án

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở tòa án nhân dân tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 50/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, tranh chấp quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản, yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản*”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Quang T, sinh năm 1953 chết ngày 05/9/2021

+ Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Quang T: Bà Bùi Quang Thanh M, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số D đường N, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

+ Người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Quang Thanh M: Bà Lê Lâm T1, sinh năm 1970. Địa chỉ liên hệ: Số A đường L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang theo giấy ủy quyền được Văn phòng C2, quyền số 05/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/5/2022

2. Bị đơn: Ông Lý Thành T2, sinh năm 1945

Địa chỉ: Số E, tổ C, ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang

Địa chỉ liên hệ: Nhà trọ Ú (phía sau tiệm V1), Tổ 12, ấp Hòa Long 4, thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Bùi Thị Thúy N, sinh năm 1941 (chết ngày 12/01/2019)

3.2. Bà Bùi Thị Lệ C, sinh năm 1952

Địa chỉ: Số 144/3/29, tổ 2, đường Cô Giang, khóm Bình Long 3, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

3.3. Ông Bùi Quang P, sinh năm 1945. Địa chỉ: Số C đường N, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang

+ Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Quang P: Bà Bùi Thị Lệ C, sinh năm 1952. Địa chỉ: Số A, tổ B, đường C, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang theo Giấy ủy quyền ngày 13/5/2021;

3.4. Bà Lý Thị Tuyết N1, sinh năm 1951. Địa chỉ số C, tổ C, ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang;

+ Người đại diện theo ủy quyền của bà Lý Thị Tuyết N1: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1944. Địa chỉ số C, tổ C, ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang đại diện theo Giấy ủy quyền được Văn phòng C3 công chứng số 122/GUQ, quyền số 01/2020TP/CC-SCC/GDDSK ngày 21/4/2020;

3.5. Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1962

3.6. Bà Lưu Thị Lệ H, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Số B, tổ B, ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang

3.7. Bà Bùi Thị Kim H1, sinh năm 1955. Địa chỉ: M.5, A B, G (Đức) chết ngày 10/10/2023 (theo giấy chứng tử số đăng ký S1896/2023 do Phòng hộ tịch Quận M cấp ngày 12/12/2023), có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Ông Trương Hữu H2 (Truong H), sinh năm 1951. Địa chỉ: M.5, A B, G (Đức)

Tại phiên tòa, bà Lê Lâm T1, ông Lý Thành T2, ông Nguyễn Văn Đ có mặt, các đương sự còn lại đều có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Nguyên đơn ông Bùi Quang T (chết ngày 21/6/2021) có người kế thừa quyền và nghĩa vụ là bà Bùi Quang Thanh M do bà Lê Lâm T1 là người đại diện theo ủy quyền có ý kiến trình bày:

Ông Bùi Quang L1 (chết ngày 16/8/2017) và bà Nguyễn Thị N2 (chết ngày 12/12/1998) có những người con gồm: Bà Bùi Thị Thúy N, sinh năm 1941 (chết ngày 12/01/2019) không có chồng con; ông Bùi Quang P, sinh năm 1945; Bà Bùi

Thị Lệ C, sinh năm 1952; Bà Bùi Thị Kim H1, sinh năm 1955 đang định cư tại nước Đức chết ngày 10/10/2023 (theo giấy chứng tử số đăng ký S1896/2023 do Phòng hộ tịch Quận M cấp ngày 12/12/2023), có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng ông Trương Hữu H2 (Truong H); Ông Bùi Quang T, sinh năm 1953; chết ngày 21/6/2021, có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng bà Bùi Quang Thanh M.

Năm 1965, ông L1 và bà N2 có nhận chuyển nhượng phần đất ruộng diện tích 13.830m² của ông Lý Văn H3 và ông Lý Văn T3 tại “*Tờ bán đứt đất ruộng chiết sở*”, đất cấp Quốc lộ I, ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang để khai thác làm gạch và làm khu mộ gia tộc.

Sau Giải phóng Miền Nam 1975, khu đất bị chính quyền thu hồi để san lấp cấp nền cho các cơ quan và cán bộ, hiện gia đình ông T còn giữ khoảng 250m² đường đi vào khu mộ sử dụng ổn định, liên tục từ năm 1965 đến nay. Trên đất hiện có hàng rào, cửa cổng sắt, khu mộ có 09 cái mộ xây kiên cố, có mái che và gia đình ông T có trồng cây lâu năm: 03 cây dừa, một số cây gạo và cây tạp khác. Quá trình sử dụng, cha mẹ ông T có cho chôn cất thân tộc khi mãn phần được chính quyền cho phép.

Khi Nhà nước mở rộng Quốc lộ I đã thu hồi một phần đất cấp Quốc lộ I và đã có Quyết định bồi thường chứng minh tính hợp pháp của việc sử dụng đất của gia đình ông T.

Ông Lý Thành T2 là con của ông Lý Văn H3 khiếu nại tranh chấp đất 112,3m² đường đi vào khu mộ. Việc ông T2 khiếu nại không có căn cứ, nên bị Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt UBND) giải quyết bác khiếu nại tại Quyết định số 1320/QĐ.UB, ngày 28/11/2003 nhưng ông T2 vẫn có hành vi cản trở quyền sử dụng đất của gia đình ông T. Việc ông T2 khiếu nại khi đã hết thời hiệu nhưng vẫn được xem xét giải quyết không đúng thẩm quyền và không đúng pháp luật.

Ngày 25/11/2024, bà Bùi Quang Thanh M xác định lại yêu cầu khởi kiện với nội dung:

1. Yêu cầu Tòa án xem xét xác định diện tích 640,6m² thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình bà và cho thực hiện quyền của người sử dụng đất được kê khai đăng ký để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo qui định pháp luật.

2. Yêu cầu Tòa án xử bác tất cả các yêu cầu tranh chấp đất của ông Lý Thành T2 và bà Lý Thị Tuyết N1, vì không có căn cứ. Yêu cầu ông T2, bà N1 chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của bà Bùi Quang Thanh M.

Tại phiên tòa, bà T là người đại diện theo ủy quyền của bà M xác định trước đây bà M có yêu cầu diện tích đất 640,6m² là chưa trừ đối với các mốc ranh có ngôi miếu, góc nhà của ông L, bà H. Nay, bà xác định lại các bên đã thỏa thuận đồng ý thống nhất với hiện trạng tại buổi hòa giải ngày 20/12/2024, bà T xác định

diện tích đất nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu diện tích 627,7m². Đồng ý để ngôi miếu, phần góc nhà của ông L, bà H, các ngôi mộ được tồn tại trên phần đất và đồng ý tạo điều kiện thông thoáng về đường đi cho người thân của các ngôi mộ (09 ngôi mộ, 04 cái quách đang có trên đất) được vào thăm viếng, chăm sóc, cải tạo mộ.

Đối với diện tích đất 627,7m² nguyên đơn đề nghị Tòa án công nhận cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Bùi Quang L1 và bà Nguyễn Thị N2 do bà Bùi Quang Thanh M đại diện được nhận và đăng ký, kê khai thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn rút lại đối với yêu cầu: Buộc ông Nguyễn Thanh L và bà Lưu Thị Lệ H phải tháo dỡ, di dời ngôi miếu T6 để trả lại diện tích đất ngang 1,52m x dài 2,09m là 5,17m² được xác định bởi các điểm 39, 40, 43, 42 theo Bản đồ hiện trạng, ngày 03/10/2019 của Văn phòng Đ7 – Chi nhánh C4 và yêu cầu ông Nguyễn Thành L2 và bà Lưu Thị Lệ H bồi thường 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) do đồn cây dừa.

+ Nguyên đơn đồng ý hỗ trợ cho ông T2 số tiền 300.000.000 đồng, hỗ trợ cho bà N1 số tiền 40.000.000 đồng.

Nguyên đơn tự nguyện nộp hết các chi phí tố tụng đã thực hiện trong vụ án

* *Bị đơn ông Lý Thành T2 có ý kiến trình bày thể hiện nội dung:* Bà N3 của ông T là em của ông Lý Văn H3; ông H3 và ông Lý Văn T3 là anh em ruột. Ông H3 là anh thứ 2, ông T3 là em út.

Cha, mẹ của ông Lý Thành T2 là ông Lý Văn H3 (chết ngày 12/12/1984) và bà Nguyễn Thị Đ1 (chết ngày 05/3/1984) có những người con gồm: Lý Thị L3, chết ngày 05/11/1982; Lý Thành H4 chết ngày 17/8/2011; Lý Thành T2

Năm 1965, ông Bùi Quang L1 và bà Nguyễn Thị N2 có nhận chuyển nhượng đất của gia đình ông T2 tổng cộng 13.830m² gồm: Nhận chuyển nhượng của cha mẹ ông T2 diện tích đất 7.225m²; Nhận chuyển nhượng của chú của ông T2 là Lý Văn T3 và vợ ông T3 là Nguyễn Thị Đ2 diện tích đất 6.605m²;

Ông L1, bà N2 mua đất mục đích lấy đất làm gạch nên toàn bộ diện tích đất bị lấy đất rất sâu nên trở thành hầm hố. Khi chuyển nhượng thì cha và chú của ông T2 chừa lại mỗi phần là 250m², đất của cha ông phía trước, đất của ông T3 liền ranh phía sau. Phần mồ mã gia đình ông T chôn cất nằm trong phần đất ông Lý Văn T3 do xin ông T3 cho chôn. Thời gian sau, gia đình ông T tự ý chôn cất không hỏi ý kiến của gia đình ông Lý Văn T3.

Sau khi, ông T3 và vợ con chết thì ông T2 là người trông coi khu mộ gia tộc họ Lý; đất tiếp giáp với Quốc lộ I, ông T2 làm hàng rào, phía sau tiếp giáp với đất của ông T3 là khu mộ do bà Lý Thị Tuyết N1 quản lý không có làm hàng rào, chìa khóa do ông T2 giữ để tránh người ngoài vô làm ô uế khu mộ. Khi gia đình

ông T vào viếng mộ thì ông mở cửa, không liên quan tới phần đất ông T2 xin cấp quyền sử dụng. Việc ông T trình bày do gia đình ông T làm hàng rào không có gì chứng minh.

Năm 1976, Nhà nước quản lý toàn bộ số đất này của bà N2, bà N2 lấy đất làm gạch khu đất thành hầm hồ, Nhà nước phải san lấp để làm trụ sở các cơ quan: Bưu điện, Viện kiểm sát, Tòa án, Ban Bảo vệ sức khỏe, Công an thị trấn... Khi được biết Ủy ban nhân dân tỉnh và huyện có quyết định giải quyết đơn xin lại đất và tranh chấp của ông Bùi Quang T thì ông T2 có khiếu nại, đề nghị Thanh tra, Sở T7, Ủy ban nhân dân tỉnh A xem xét giải quyết:

+ Hủy bỏ Quyết định giải quyết khiếu nại số 1320/QĐ.UB ngày 28/11/2003 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết khiếu nại của ông T2.

+ Bác yêu cầu tranh chấp đất đai của ông Bùi Quang T vì đất của gia đình ông T đã bị Nhà nước quản lý toàn bộ 13.830m², Ủy ban nhân dân tỉnh đã giải quyết và tiếp tục quản lý toàn bộ 13.830m².

Phần đất có diện tích 250m² ông T2 xin cấp quyền sử dụng là đất do ông trực tiếp quản lý, sử dụng ổn định từ trước giải phóng đến nay, có xây tường rào kiên cố, có khóa cổng riêng biệt, không liên quan đến các hộ sử dụng đất liên kề, không liên quan đến khu mộ gia đình ông T.

Ngày 25/10/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tiếp dân và đã có Biên bản chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông T2. Do đó, ông T không có quyền tranh chấp tại Tòa án mà thuộc thẩm quyền giải của Ủy ban nhân dân tỉnh A.

+ Ngày 11/8/2021, ông Lý Thành T2 có yêu cầu buộc ông Nguyễn Thành L2 và bà Lưu Lệ H trả cho ông:

- Diện tích đất 9,03m², ngang 0,5m x dài 18,6m tại các điểm 41,40,29,28 (cặp hông nhà ông L2, bà H) trong Bản đồ hiện trạng ngày 03/10/2019 do Văn phòng Đ7 – Chi nhánh C5 vẽ;

- Tháo dỡ, di dời ngôi miếu T6 để trả lại đất ngang 1,52m; dài 2,09m; diện tích 3,17m² tại các điểm 40,39,42,43 trong Bản đồ hiện trạng ngày 03/10/2019 do Văn phòng Đ7 – Chi nhánh C5 vẽ.

Tại phiên tòa, ông T2 xác định ông rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố đối với các yêu cầu trong vụ án và ông đồng ý nhận số tiền do phía nguyên đơn hỗ trợ cho ông là 300.000.000 đồng. Nay, ông không còn tranh chấp hay khiếu nại liên quan đến nội dung của nguyên đơn khởi kiện, ông không cản trở việc kê khai đăng ký quyền sử dụng đất của phía nguyên đơn, phần mồ của gia đình hiện kinh tế ông cũng khó khăn nên đề nghị nguyên đơn vãn để các ngôi mộ của gia đình ông tồn tại trên phần đất và khi nguyên đơn có thực hiện cải tạo, bốc mộ đưa lên vị trí bằng phẳng thì ông đồng ý, không có cản trở cũng như khiếu nại, tranh chấp

* Bà Lý Thị Tuyết N1 do ông Nguyễn Văn Đ là người đại diện theo ủy quyền có ý kiến trình bày: Cha mẹ của bà N1 là ông Lý Văn T3 (chết ngày 19/7/1995) và bà Nguyễn Thị Đ2 (chết năm 1992) có những người con gồm: Lý Thị M1, sinh

năm 1943 chết 25/12/2006; Lý Thị Tuyết N1, sinh năm 1951; Lý Văn T4, sinh năm 1958 chết 11/6/2009.

Căn cứ vào “*Tờ bán đứt đất ruộng chiết sở*” thì vào năm 1965, cha và mẹ của bà N1 đã bán cho bà Nguyễn Thị N2 diện tích đất 6.605m²; bác của bà N1 là ông Lý Văn H3 bán 7.225m², tổng cộng 13.830m², mỗi người có chừa lại diện tích 250m² đất làm nền mộ (đang có mộ từ năm 1947).

Đất của cha, mẹ bà N1 để lại liền ranh với đất 250m² của cha mẹ ông T2 để lại, hiện ông T đang tranh chấp. Việc ông T khiếu nại tranh chấp đất đã được Ủy ban nhân dân tỉnh A giải quyết bằng Quyết định số 5485/QĐ.UB, ngày 18/6/1997, nội dung: Bác khiếu nại 13.830m² đất tọa lạc tại thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang; Ủy ban nhân dân huyện C tiếp tục quản lý sử dụng diện tích 13.830m² đất nói trên theo đúng quy hoạch.

Theo nội dung của Quyết định số 5485/QĐ.UB thì gia đình ông T không còn đất ở ấp P, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang nên ông T không có tư cách khởi kiện.

Đất khu mộ hiện nay là đất của gia đình bà N1 có cho gia đình ông T chôn tộc họ trên đất nhưng ông T cho rằng đất của gia đình ông T là không đúng. Bà N1 yêu cầu Tòa án bác khởi kiện của ông T. Việc ông Nguyễn Thành L2 trình bày làm hàng rào, bà N1 không đồng ý vì ông Lý Văn T3 đã có Đơn xin rào đất từ năm 1988.

Tại phiên tòa, ông Đ xác định bà N1 là vợ của ông đã có đơn ngày 08/01/2025, xác định lại ý kiến đồng ý để mộ mã theo hiện trạng trên đất, vợ ông bà N1 không tranh chấp, ông đại diện cho bà N1 đồng ý với nội dung thỏa thuận của nguyên đơn với ông T2. Bà N1 không còn tranh chấp hay yêu cầu gì và đồng ý với ý kiến nguyên đơn hỗ trợ cho bà N1 số tiền 40.000.000 đồng.

* Ông Nguyễn Thành L2 và bà Lưu Thị Lệ H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến trình bày thể hiện nội dung: Ngày 19/02/1992, ông Bùi Quang T bán cho ông L2 phần đất mặt tiền tiếp giáp Quốc lộ I, có chiều dài 07m (bảy mét), từ mé đường trở vô 02m (hai mét). Tổng cộng 14m² (mười bốn mét) có làm giấy viết tay và sơ đồ bản vẽ do ông Bùi Quang T ký tên với số tiền 01 chỉ vàng 24k thể hiện qua “*Tờ thỏa thuận bồi hoàn thành quả*” ngày 09/12/1992. Diện tích đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

. Ngoài ra, ông Bùi Quang T còn làm Biên bản hòa giải ruộng đất ngày 10/02/1992 có xác nhận của chính quyền địa phương đối với diện tích đất này.

Ngày 08/08/2001, ông làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất diện tích 169,80m² có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00178QSĐĐ/Ca, trong số diện tích có 10m² đất do ông Bùi Quang T bán, còn lại 4m, ông đã cất miếu thờ chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông bà không đồng ý với việc tranh chấp của ông T và ông T2 đối với diện tích đất ông bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đất đã cất ngôi miếu T6.

- Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00178QSDĐ/Ca, ngày 08/8/2001 trước đây ông bà trình bày đã thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ8 - Chi nhánh A. Ngày 23/5/2022, ông bà đã trả nợ cho Ngân hàng đã giải chấp đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00178QSDĐ/Ca, được ngân hàng xác nhận tại Công văn số: 785/BIDV.AG, ngày 23/5/2022 của Ngân hàng TMCP Đ8 - Chi nhánh A.

- Đối với diện tích đất cất nhà ngày 05/12/1992, ông, bà mua lại của ông Phạm Quý Đ3 và bà Nguyễn Thị Đ4 diện tích 155,8m² (Diện tích đất này, trước đây do ông T bán cho ông Đ3 và bà Đ4).

Đến ngày 08/8/2001, ông L2 được Ủy ban nhân dân tỉnh A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt GCNQSDĐ) số 00178QSDĐ/Ca, số Tờ bản đồ 015, số Thửa 75, diện tích 169,80m² và Hồ sơ kỹ thuật khu đất kèm theo.

Gia đình ông bà sử dụng đất đúng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp nên không đồng ý việc khởi kiện của ông T, ông T2 về việc di dời ngôi miếu trả đất; không đồng ý việc ông T2 tranh chấp đất cất hông nhà của ông bà.

- Đối với cây dừa mà ông T (chết) nay là bà M yêu cầu bồi thường, cây dừa này cất nhà ông bà thì cây đã già, cao, mục sọ mưa giông đổ ngã nên ông L2 đã đốn, ông đồng ý bồi thường 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) cho ông T.

- Đối với hàng rào tiếp giáp Quốc lộ I, hiện tại ông T và ông T2 tranh chấp, cả ông T và ông T2 đều không làm hàng rào này mà do ông L2 làm hàng rào từ năm 1992 để bảo vệ tài sản của ông, bà. Trước đây, ông L2 có mượn của ông T phần đất tiếp giáp Quốc lộ I để chứa đồ, ổ khóa cũng do gia đình ông khóa và giữ chìa khóa, có người cần vào khu mộ thì ông mở khóa cho vào. Tuy nhiên, ông bà không tranh chấp hàng rào này.

Hiện nay, phía nguyên đơn rút lại đối với các yêu cầu: ông L2, bà H di dời ngôi miếu và bồi thường cây dừa 1.000.000 đồng, bị đơn ông T2 rút lại toàn bộ yêu cầu không tranh chấp đất cất hông nhà thì ông bà đồng ý không có ý kiến gì khác. Đồng thời, ông bà có đơn yêu cầu được vắng mặt trong quá trình tòa án xét xử.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Lệ C và là người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Quang P trình bày: Thống nhất theo yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời có yêu cầu được vắng mặt trong quá trình tòa án xét xử.*

** Ông Trương Hữu H2 (Trương H) vắng mặt nhưng có tường trình ngày 19/4/2024, thể hiện nội dung: Vợ ông là bà Bùi Thị Kim H1, sinh năm 1955; chết ngày 10/10/2023 (theo giấy chứng tử số đăng ký S 1896/2023 do Phòng hộ tịch*

Quận M cấp ngày 12/12/2023). Ông bà kết hôn nhưng không có con. Trong quá trình nguyên đơn, bị đơn khởi kiện được biết vợ ông có ý kiến gửi về tòa án không tranh chấp và không có ý kiến đối với vụ án. Nay, vợ ông (bà H1) qua đời, ông cũng tôn trọng ý kiến của vợ ông, do đó đối với việc tranh chấp tài sản trong vụ án này ông không có ý kiến, vì vậy yêu cầu Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng. Hiện nay, ông về Việt Nam nên không mang bản chính của giấy chứng tử, ông cung cấp bản photo và sẽ gửi giấy chứng tử về cho tòa án sau. Trường hợp đưa ông vào tham gia tố tụng, kính đề nghị quý tòa cho ông được vắng mặt trong suốt quá trình tham gia tố tụng từ khi hòa giải, công khai chứng cứ, đối chất đến khi xét xử xong vụ án. Ông cam kết không khiếu nại về sau.

* Tại phiên tòa:

+ Nguyên đơn bà Lê Lâm T1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định diện tích đất nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu diện tích 627,7m². Đồng ý để ngôi miếu, phần góc nhà của ông L2, bà H, các ngôi mộ được tồn tại trên phần đất và đồng ý tạo điều kiện thông thoáng về đường đi cho người thân của các ngôi mộ (09 ngôi mộ, 04 cái quách đang có trên đất) được vào thăm viếng, chăm sóc, cải tạo mộ. Đối với diện tích đất 627,7m² nguyên đơn đề nghị Tòa án công nhận cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Bùi Quang L1 và bà Nguyễn Thị N2 do bà Bùi Quang Thanh M đại diện được nhận và đăng ký, kê khai thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Rút lại một phần yêu cầu khởi kiện: Buộc ông Nguyễn Thanh L và bà Lưu Thị Lệ H phải tháo dỡ, di dời ngôi miếu T6 để trả lại diện tích đất ngang 1,52m x dài 2,09m là 5,17m² được xác định bởi các điểm 39, 40, 43, 42 theo Bản đồ hiện trạng, ngày 03/10/2019 của Văn phòng Đ7 – Chi nhánh C4 và yêu cầu ông Nguyễn Thành L2 và bà Lưu Thị Lệ H bồi thường 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) do đốn cây dừa.

Nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ cho ông Lý Thành T2 số tiền là 300.000.000 đồng và hỗ trợ cho bà Lý Thị Tuyết N1 số tiền 40.000.000 đồng.

+ Bị đơn ông Lý Thành T2 rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố: yêu cầu xác định diện tích tranh chấp đất của ông Lý Thành T2 diện tích 156m² đất đường vào khu mộ; buộc ông Nguyễn Thành L2 và bà Lưu Lệ H trả cho ông: Diện tích đất 9,03m², ngang 0,5m x dài 18,6m tại các điểm 41,40,29,28 (cặp hông nhà ông L2, bà H) trong Bản đồ hiện trạng ngày 03/10/2019 do Văn phòng Đ7 – Chi nhánh C5 vẽ và tháo dỡ, di dời ngôi miếu T6 để trả lại đất ngang 1,52m; dài 2,09m; diện tích 3,17m² tại các điểm 40,39,42,43 trong Bản đồ hiện trạng ngày 03/10/2019 do Văn phòng Đ7 – Chi nhánh C5 vẽ.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh L, bà Lưu Thị

Lệ H, bà Bùi Thị Lệ C và là người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Quang P, ông Trương Hữu H2 (Trương Hữu H5) đều có yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Quang T có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là bà Bùi Quang Thanh M đối với ông Nguyễn Thanh L, bà Lưu Thị Lệ H phần bồi thường cây D đã đốn trị giá 1.000.000 đồng và di dời ngôi miếu;

- Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lý Thành T2;

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Quang T có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là bà Bùi Quang Thanh M;

- Các thừa kế của ông Bùi Quang L1, bà Nguyễn Thị N2 do bà Bùi Quang Thanh M đại diện được sử dụng diện tích 627,7m² tại các điểm 1,2,3,4,74,88,71,68,67,87,86,85,84,81 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 27/9/2024 do Công ty TNHH Đ9 lập;

- Các thừa kế của ông Bùi Quang L1, bà Nguyễn Thị N2 do bà Bùi Quang Thanh M đại diện liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

- Công nhận sự tự nguyện của các đương sự theo đó bà Bùi Quang Thanh M hỗ trợ cho ông Lý Thanh T5 số tiền 300.000.000 đồng và bà Lý Thị Tuyết M2 số tiền 40.000.000 đồng;

- Công nhận sự tự nguyện của bà M2 nộp toàn bộ các chi phí tố tụng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông Bùi Quang T chết ngày 5/9/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Kim H1 chết ngày 10/10/2023 nên Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 74 của Bộ luật tố tụng dân sự đưa người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T là bà Bùi Quang Thanh M và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H1 là ông Trương Hữu H2 (Trương Hữu H5) vào tham gia tố tụng trong vụ án.

[1.2] Bà Bùi Quang Thanh M ủy quyền cho bà Lê Lâm T1 đại diện theo giấy ủy quyền được Văn phòng C2, quyền số 05/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/5/2022; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Quang P ủy quyền

cho bà Bùi Thị lệ C đại diện theo giấy ủy quyền ngày 13/5/2021, việc ủy quyền phù hợp theo quy định của pháp luật nên được Tòa án chấp nhận.

[1.3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Lệ C và là người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Quang P, ông Nguyễn Thanh L, bà Lưu Thị Lệ H, ông Trương Hữu H2 (Trương Hữu H5) đều có yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét đối với yêu cầu xin vắng mặt của các đương sự là phù hợp với quy định nên tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền:

[2.1] Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất theo quy định khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng trong vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Kim H1 đang định cư tại nước Đức và sau khi bà H1 chết (chết ngày 10/10/2023) thì người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H1 là ông Trương Hữu H2 (Trương Hữu H5) cũng đang định cư tại nước Đ5 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang do có yếu tố nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Bùi Quang Thanh M do bà Lê Lâm T1 là người đại diện theo ủy quyền xác định chỉ yêu cầu diện tích 627,7m² việc thay đổi lại đối với diện tích đất của phía nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự để xem xét, giải quyết

[2.3] Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Bùi Quang Thanh M do bà Lê Lâm T1 là người đại diện theo ủy quyền xác định rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể đối với yêu cầu Tòa án xử buộc ông Nguyễn Thanh L và bà Lưu Thị Lệ H phải tháo dỡ, di dời ngôi miếu T6 để trả lại diện tích đất ngang 1,52m x dài 2,09m là 5,17m² được xác định bởi các điểm 39, 40, 43, 42 theo Bản đồ hiện trạng, ngày 03/10/2019 của Văn phòng Đ7 – Chi nhánh C4 và bồi thường số tiền 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) do đơn 01 cây dừa trên đất.

[2.4] Bị đơn ông Lý Thanh T5 rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố trong vụ án với nội dung: xác định diện tích tranh chấp đất của ông Lý Thành T2 diện tích 156m² đất đường vào khu mộ; buộc ông Nguyễn Thành L2 và bà Lưu Lệ H trả cho ông: Diện tích đất 9,03m², ngang 0,5m x dài 18,6m tại các điểm 41,40,29,28 (cặp hông nhà ông L2, bà H) trong Bản đồ hiện trạng ngày 03/10/2019 do Văn phòng Đ7 – Chi nhánh C5 vẽ và tháo dỡ, di dời ngôi miếu T6 để trả lại đất ngang 1,52m; dài 2,09m; diện tích 3,17m² tại các điểm 40,39,42,43 trong Bản đồ hiện trạng ngày 03/10/2019 do Văn phòng Đ7 – Chi nhánh C5 vẽ

[2.5] Hội đồng xét xử nhận thấy việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn, bị đơn rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố là hoàn toàn tự nguyện và không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,

đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lý Thanh T5 theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự

[2.6] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị Tuyết N1 xác định rút lại toàn bộ yêu cầu tranh chấp đối với diện tích 250m² đất khu mộ với nguyên đơn và không tranh chấp với ông L2, bà H nhận thấy trong quá trình giải quyết thì bà N1 không xác định cũng như không có đơn yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử xem xét đây là ý kiến phản bác của bà N1 đối với vụ án. Đồng thời, bà N1 xác định hiện nay bà N1 không còn tranh chấp với bà M, ông L2, bà H trong vụ kiện.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Nhận thấy, về nguồn gốc đất tranh chấp các đương sự đều thừa nhận do cha, mẹ của ông T1 là ông Bùi Quang L1 và bà Nguyễn Thị N2 mua lại diện tích 13.830m² của vợ chồng ông Lý Văn H3, bà Nguyễn Thị Đ6 và vợ chồng ông Lý Văn T3, bà Nguyễn Thị Đ2 vào năm 1965. Ông L1 và bà N2 mua đất ruộng lấy lớp đất mặt để làm lò gạch và phần đất phía sau để chôn cất tộc họ. Sau năm 1976, toàn bộ diện tích đất của gia đình ông T1 bị quản lý để xây dựng các cơ quan như: Tòa án, Viện Kiểm sát, Công an, Ban bảo vệ sức khỏe của huyện C....

[3.2] Ông T1 đã đại diện gia đình bà Nguyễn Thị N2 khiếu nại yêu cầu trả lại đất và được giải quyết tại Quyết định số 758/QĐ.UB ngày 18/8/1994 của Ủy ban nhân dân huyện C, có nội dung: giao trả diện tích đất 1.020m² đất do Ban bản vệ sức khỏe (cũ) sử dụng cho gia đình bà N2. Ngày 04/3/1995, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành tiếp Quyết định 97/QĐ.UB về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi quang T (sau đây viết tắt Quyết định 97/QĐ.UB), có nội dung: giao quyền sử dụng đất cho ông Bùi Quang T diện tích 955,6m² đất thổ cư (gồm phần nền mộ và đường đi), trong đó phần nền mộ là 814m², đường đi 141,6m² (ngang 08m, dài 17,7m), trong đó, hướng Nam giáp nền mộ, hướng Bắc giáp Quốc lộ I.

[3.3] Sau đó có khiếu nại của các cán bộ hưu trí đối với hai Quyết định nêu trên của Ủy ban nhân dân huyện C. Đến ngày 18/6/1997, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A ban hành Quyết định số 5485/QĐ.UB ngày 18/6/1997 về việc giải quyết đơn khiếu tố đối với các quyết định của Ủy ban nhân dân huyện C.

[3.4] Sau khi Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh hủy án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang và giao hồ sơ về để Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thụ lý giải quyết lại thì người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà M có yêu cầu đo đạc và định giá lại đối với hiện trạng đất. Qua đo đạc thì thể hiện diện tích đất các đương sự đều thống nhất diện tích đất 627,7 m² tại các điểm 1, 2, 3, 4, 74, 88, 71, 68, 67, 87, 86, 85, 84, 81 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 27/9/2024 của Công ty TNHH Đ9.

[3.4.1] Đối với hiện trạng ngoài phạm vi diện tích đất này các đương sự không tranh chấp và thống nhất ngôi miếu được xác định tại các điểm 5, 2, 3, 80

có diện tích là $4,2\text{m}^2$ và một phần căn nhà gạch của ông Nguyễn Thành L2 tại các điểm 69, 70, 94, 93 (diện tích $2,3\text{ m}^2$), các điểm 77, 78, 79, 80 (diện tích $0,8\text{ m}^2$) theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 27/9/2024 của Công ty TNHH Đ9 được tiếp tục tồn tại trên đất nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự để xác định và giải quyết đối với diện tích đất là $627,7\text{ m}^2$.

[3.4.2] Đồng thời, tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 12/7/2024 do Tòa án nhân dân tỉnh An Giang lập thể hiện trên khu đất tranh chấp có 01 cái miếu; 09 ngôi mộ (mộ của: Ông Nguyễn Thanh V, bà Lý Thị C1, ông Bùi Quang T, bà Nguyễn Thị Thúy N4, bà Nguyễn Thị N5, ông Bùi Quang L1, ông Lý Văn H3, bà Nguyễn Thị Đ1, ông Nguyễn Thanh H6) và 04 cái quách trên phần nền mộ (ông Lý Văn L4, bà Ngô Thị N6, bà Nguyễn Thị Đ2, ông Lý Văn T3). Đối với các cây cối có trên đất thì các đương sự xác định không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết.

[5] Tại biên bản hòa giải ngày 20/12/2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (Bút lục số 1103-1105), thể hiện nội dung bà Lê Lâm T1 là người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Quang Thanh M, ông Lý Thành T2, ông Nguyễn Văn Đ là người đại diện theo ủy quyền của bà Lý Thị Tuyết N1, ông Nguyễn Thành L2, bà Lưu Thị Lệ H đều có ý kiến xác định giữa các đương sự hiện nay đã có sự thỏa thuận thống nhất không còn tranh chấp đối với diện tích đất mà hiện nay phía nguyên đơn đang khởi kiện, bị đơn ông T2 cũng xác định rút lại hết toàn bộ yêu cầu phản tố không còn tranh chấp và bà N1 cũng có ý kiến không còn ý kiến yêu cầu hay tranh chấp liên quan đến nội dung nguyên đơn đang khởi kiện mà đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[5.1] Hội đồng xét xử căn cứ Quyết định số 5485/QĐ.UB ngày 18/6/1997 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A, với nội dung:

“ ...

UBND huyện C tiếp tục quản lý sử dụng diện tích 13.830m^2 nói trên theo đúng quy hoạch và xác định diện tích mồ mã, đường đi cho gia đình bà N2 sử dụng. ”.

[5.2] Nội dung diện tích đất hiện nay các đương sự đều thống nhất để cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Bùi Quang L1 và bà Nguyễn Thị N2 do bà Bùi Quang Thanh M đại diện quản lý, sử dụng phù hợp với nội dung của Ủy ban nhân dân tỉnh xác định trong trường hợp về quá trình cũng như nguồn gốc đất được các đương sự thống nhất không tranh chấp để cho gia đình bà M được kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[5.3] Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét đối với nội dung các đương sự thống nhất thỏa thuận là tự nguyện không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và công nhận các nội dung thỏa thuận của đương sự, cụ thể:

[5.3.1] Ngôi miếu được xác định tại các điểm 5, 2, 3, 80 có diện tích là $4,2\text{m}^2$ và một phần căn nhà gạch của ông Nguyễn Thành L2 tại các điểm 69, 70, 94, 93

(diện tích 2,3 m²), các điểm 77, 78, 79, 80 (diện tích 0,8 m²) theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 27/9/2024 của Công ty TNHH Đ9 được tiếp tục tồn tại trên đất.

[5.3.2] Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Bùi Quang L1 và bà Nguyễn Thị N2 có nghĩa vụ tạo điều kiện thông thoáng về đường đi cho người thân của 09 ngôi mộ, 04 cái quách (09 ngôi mộ của ông Nguyễn Thanh V, bà Lý Thị C1, ông Bùi Quang T, bà Nguyễn Thị Thúy N4, bà Nguyễn Thị N5, ông Bùi Quang L1, ông Lý Văn H3, bà Nguyễn Thị Đ1, ông Nguyễn Thanh H6 và 04 cái quách của ông Lý Văn L4, bà Ngô Thị N6, bà Nguyễn Thị Đ2, ông Lý Văn T3 có trên đất) được vào thăm viếng, chăm sóc, cải tạo mộ.

[5.3.3] Công nhận thỏa thuận của bà Bùi Quang Thanh M, ông Lý Thành T2, bà Lý Thị Tuyết N1 thống nhất 09 ngôi mộ, 04 cái quách trên khu đất tại các điểm 41, 42, 43, 44; các điểm 47, 48, 50, 49; các điểm 51, 52, 59, 61; các điểm 53, 54, 55, 95; các điểm 56, 57, 58, 60; các điểm 62, 63, 64, 65; các điểm 96, 97, 98, 99; các điểm 100, 101, 102, 103 khi những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Bùi Quang L1 và bà Nguyễn Thị N2 thực hiện cải tạo, bốc mộ để đưa lên vị trí cao hơn thì các đương sự không cản trở hay tranh chấp.

[5.3.4] Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Bùi Quang L1 và bà Nguyễn Thị N2 do bà Bùi Quang Thanh M đại diện được tiếp tục quản lý, sử dụng đối với diện tích đất 627,7 m² tại các điểm 1, 2, 3, 4, 74, 88, 71, 68, 67, 87, 86, 85, 84, 81 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 27/9/2024 của Công ty TNHH Đ9. Vị trí khu đất tọa lạc tại ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang.

Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Bùi Quang L1 và bà Nguyễn Thị N2 do bà Bùi Quang Thanh M là người đại diện được liên hệ cơ quan có thẩm quyền kê khai xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

[5.3.5] Công nhận sự tự nguyện tại phiên tòa của bà Bùi Quang Thanh M hỗ trợ cho ông Lý Thành T2 số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) và hỗ trợ cho bà Lý Thị Tuyết N1 số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*)

[6] Về chi phí tố tụng:

Bà Bùi Quang Thanh M tự nguyện chịu chi phí tố tụng số tiền 10.214.580 đồng (*Mười triệu hai trăm mười bốn nghìn năm trăm tám mươi đồng*) nhưng khấu trừ vào tiền ông Bùi Thanh Q đã nộp tạm ứng số tiền 1.614.500 đồng (theo Biên bản về việc quyết toán chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành và Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001095 ngày 16/7/2019 của Văn Phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ7); số tiền bà M đã nộp tạm ứng 6.885.480 đồng (Biên bản giao nhận tiền tạm ứng chi phí ngày 05/6/2024, Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000140 ngày 30/9/2024 của Công ty TNHH Đ9) và số tiền 1.714.500 đồng đã được bà Lý Thị Tuyết N1 tạm ứng (theo Phiếu thu ngày

28/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành và Hóa đơn giá trị gia tăng số 0002767 ngày 08/10/2019 của Văn Phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ7) đã được bà M hoàn trả cho bà N1 tại biên nhận ngày 08/01/2025. Bà M đã nộp đủ chi phí tố tụng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 và điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể:

[7.1] Ông Lý Thành T2, bà Lý Thị Tuyết N1 là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án quy định

[7.2] Bà Bùi Quang Thanh M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được nhận lại 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền đã nộp tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000028, ngày 24/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

+ Khoản 3, khoản 5 và khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 74, Điều 143, khoản 1 Điều 146, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 186, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 232, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Điều 26, Điều 31, Điều 136, Điều 137, Điều 236 của Luật đất đai năm 2023;

+ Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 và điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với các yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Quang T do người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Bùi Quang Thanh M: Buộc ông Nguyễn Thanh L và bà Lưu Thị Lệ H phải tháo dỡ, di dời ngôi miếu T6 để trả lại diện tích đất ngang 1,52m x dài 2,09m là 5,17m² được xác định bởi các điểm 39, 40, 43, 42 theo Bản đồ hiện trạng, ngày 03/10/2019 của Văn phòng Đ7 – Chi nhánh C4 và yêu cầu ông Nguyễn Thành L2 và bà Lưu Thị Lệ H bồi thường 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) do đốn cây dừa.

2. Đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Lý Thành T2 đối với yêu cầu xác định diện tích tranh chấp đất của ông Lý Thành T2 diện tích 156m² đất đường vào khu mộ; Buộc ông Nguyễn Thành L2 và bà Lưu Lệ H trả

cho ông: Diện tích đất $9,03\text{m}^2$, ngang $0,5\text{m}$ x dài $18,6\text{m}$ tại các điểm 41,40,29,28 (cặp hông nhà ông L2, bà H) trong Bản đồ hiện trạng ngày 03/10/2019 do Văn phòng Đ7 - Chi nhánh C5 vẽ và tháo dỡ, di dời ngôi miếu T6 để trả lại đất ngang $1,52\text{m}$; dài $2,09\text{m}$; diện tích $3,17\text{m}^2$ tại các điểm 40,39,42,43 trong Bản đồ hiện trạng ngày 03/10/2019 do Văn phòng Đ7 - Chi nhánh C5 vẽ.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Quang T có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Bùi Quang Thanh M đối với ông Lý Thành T2

3.1. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Bùi Quang L1 và bà Nguyễn Thị N2 do bà Bùi Quang Thanh M đại diện được tiếp tục quản lý, sử dụng đối với diện tích đất $627,7\text{ m}^2$ tại các điểm 1, 2, 3, 4, 74, 88, 71, 68, 67, 87, 86, 85, 84, 81 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 27/9/2024 của Công ty TNHH Đ9. Vị trí khu đất tọa lạc tại ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang.

3.2. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Bùi Quang L1 và bà Nguyễn Thị N2 do bà Bùi Quang Thanh M là người đại diện được liên hệ cơ quan có thẩm quyền kê khai xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

4. Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Bùi Quang Thanh M và ông Nguyễn Thành L2, bà Lưu Thị Lệ H, ông Lý Thành T2, bà Lý Thị Tuyết N1: ngôi miếu được xác định tại các điểm 5, 2, 3, 80 có diện tích là $4,2\text{m}^2$ và một phần căn nhà gạch của ông Nguyễn Thành L2 tại các điểm 69, 70, 94, 93 (diện tích $2,3\text{ m}^2$), các điểm 77, 78, 79, 80 (diện tích $0,8\text{ m}^2$) theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 27/9/2024 của Công ty TNHH Đ9 được tiếp tục tồn tại trên đất.

5. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Bùi Quang L1 và bà Nguyễn Thị N2 có nghĩa vụ tạo điều kiện thông thoáng về đường đi cho người thân của các ngôi mộ có trên đất (09 ngôi mộ và 04 cái quách) được vào thăm viếng, chăm sóc, cải tạo mộ.

6. Công nhận thỏa thuận của bà Bùi Quang Thanh M, ông Lý Thành T2, bà Lý Thị Tuyết N1 thống nhất 09 ngôi mộ và 04 cái quách trên khu đất tại các điểm 41, 42, 43, 44; các điểm 47, 48, 50, 49; các điểm 51, 52, 59, 61; các điểm 53, 54, 55, 95; các điểm 56, 57, 58, 60; các điểm 62, 63, 64, 65; các điểm 96, 97, 98, 99; các điểm 100, 101, 102, 103 khi những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Bùi Quang L1 và bà Nguyễn Thị N2 thực hiện cải tạo, bốc mộ để đưa lên vị trí cao hơn các đương sự không cản trở hay tranh chấp.

(Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 27/9/2024 của Công ty TNHH Đ9 được đính kèm với Bản án).

7. Công nhận sự tự nguyện của bà Bùi Quang Thanh M hỗ trợ cho ông Lý Thành T2 số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*)

8. Công nhận sự tự nguyện của bà Bùi Quang Thanh M hỗ trợ cho bà Lý Thị Tuyết N1 số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*)

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền.

9. Về chi phí tố tụng: Bà Bùi Quang Thanh M tự nguyện nộp chi phí tố tụng số tiền 10.214.580 đồng (*Mười triệu hai trăm mười bốn nghìn năm trăm tám mươi đồng*). Bà M đã nộp đủ chi phí tố tụng.

10. Về án phí dân sự sơ thẩm:

10.1. Ông Lý Thành T2 là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án quy định

10.2. Bà lý Thị Tuyết N1 là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án quy định

10.3. Bà Bùi Quang Thanh M được nhận lại 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền đã nộp tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000028, ngày 24/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

11. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư ngụ để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh AG;
- Cục THADS tỉnh AG;
- Phòng KTNV &THA;
- Đương sự;
- Lưu Tòa Dân sự;
- Lưu VP Tòa án tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Ngọc Thúy

